

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Năm báo cáo: 2019

(Từ ngày 01/4/2019 đến 31/3/2020)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101275603
- Vốn điều lệ: 50.599.920.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.599.920.000 đồng
- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84-4) 37534862
- Số fax: (84-4) 38361898
- Website: <http://www.vangthanglong.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VTL

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiền thân là Xí nghiệp nước giải khát Thăng Long ra đời ngày 24 tháng 3 năm 1989 trực thuộc Công ty Rượu bia Hà Nội.
- Ngày 16/8/1993: Đổi tên thành Công ty Rượu nước giải khát Thăng Long.
- Năm 2001, thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Thăng Long theo Quyết định số 54/2001/QĐ-TTg ngày 23/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Công ty Cổ phần Thăng Long với số vốn điều lệ ban đầu 11,6 tỷ đồng.
- Tháng 11/2003: Công ty tăng vốn lên 14.047.100.727 đồng.
- Năm 2005: Công ty tăng vốn lên 18.000.000.000 đồng
- Ngày 14/7/2005: Cổ phiếu Công ty được niêm yết và giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 25/5/2009: Đổi tên Công ty cổ phần Thăng Long thành Công ty cổ phần Vang Thăng Long (Giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 8 số 0103001012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/5/2009).
- Ngày 22/10/2009: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long, vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104008334), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Ngày 19/6/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 27.000.000.000 đồng.
- Ngày 08/10/2013: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư địa ốc Thăng Long, vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106328714), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Tháng 4/2017: Công ty tăng vốn điều lệ lên 40.500.000.000 đồng.
- Tháng 12/2018: Công ty tăng vốn điều lệ lên 50.599.920.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất rượu vang.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng).
- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa).
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô).
- Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản thức ăn đông lạnh; Sản xuất các mặt hàng công nghệ phẩm).
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh; Kinh doanh xuất nhập khẩu thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm; Buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm; Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống; Kinh doanh thực phẩm chế biến).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy hải sản).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, thủy hải sản; Sản xuất các mặt hàng tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Ký gửi hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở; Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày).
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền SX nước giải khát có gas).
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn).
- Bán buôn gạo (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu lương thực; Kinh doanh lương thực).
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ; Buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nhựa, hàng tiêu dùng; Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất; Buôn bán các mặt hàng nhựa).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc; Buôn bán hàng may mặc đồ da và giả da).
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế).
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke))
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Buôn bán vật liệu và thiết bị xây dựng).
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc đồ da và giả da).
- In ấn (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm in các loại).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Buôn bán sản phẩm in các loại).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không có cồn).
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì).
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn).
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh).
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

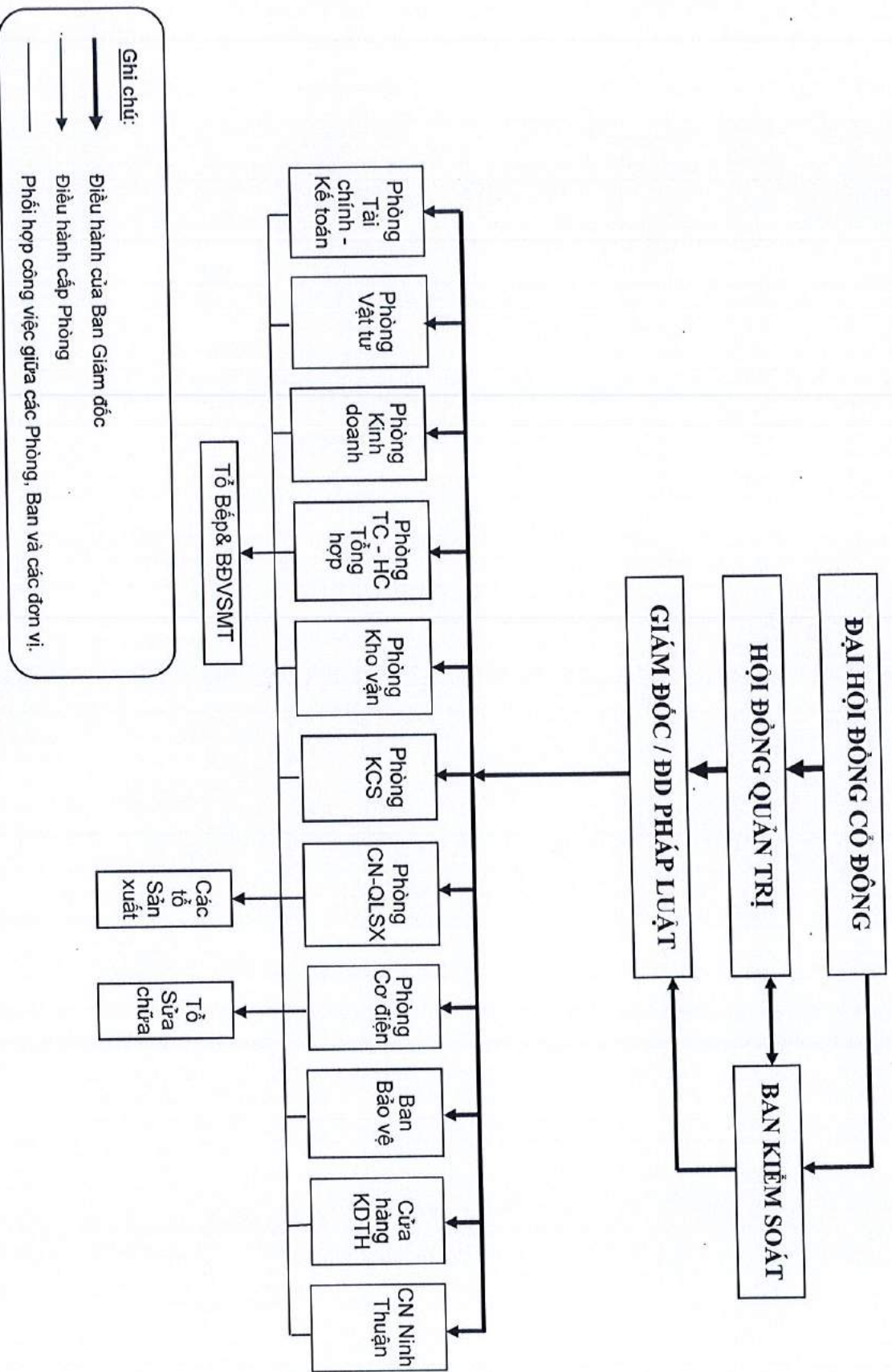
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc, Kế toán trưởng.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG NĂM TÀI CHÍNH 2019



4.2. Hệ thống chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Ninh Thuận
Địa chỉ: Số 62A Lê Duẩn, TP Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

4.3. Công ty con:

4.3.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long

- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không cồn, hàng công nghệ phẩm.
- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long.

4.3.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long

- Địa chỉ: Số 343 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vốn điều lệ thực góp: 6.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long.

4.3.4. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long (Từ ngày 18/07/2019 đến ngày 31/03/2020)

- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Bán buôn đồ uống.
- Công ty Cổ phần Vang Thăng Long góp vốn: 270.000.000 đồng chiếm 45% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long.
- Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long góp vốn: 324.000.000 đồng chiếm 54% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long.

4.4. Công ty liên kết:

4.4.1. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long (Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 18/07/2019)

- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Bán buôn đồ uống.
- Vốn điều lệ thực góp: 270.000.000 đồng chiếm 45% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long thành Công ty vững mạnh, chuyên nghiệp, phấn đấu trở thành một Công ty cung cấp rượu vang hàng đầu Việt Nam.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm Vang Thăng Long, đưa ra các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường theo thói quen tiêu dùng quốc tế hướng tới xuất khẩu sang thị trường khu vực và các nước Châu Á.
- Cùng cố, phát triển vùng nguyên liệu sạch, chất lượng cao tại các tỉnh phía Nam đồng thời xây dựng và mở rộng tại các tỉnh phía Bắc để chủ động nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.
- Cùng cố, hoàn thiện kênh phân phối, có chính sách hợp lý và linh hoạt đối với các đối tượng khách hàng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu phát triển thị trường.

5.2. Chiến lược phát triển:

- Mở rộng hệ thống tiêu thụ trong nước.
- Phát triển hệ thống đại lý quốc tế.
- Duy trì và không ngừng phát triển thương hiệu Vang Thăng Long có uy tín cao tại thị trường Việt Nam, trong khu vực và Châu Á.
- Đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất Vang Thăng Long.
- Mở rộng đầu tư xây dựng, kinh doanh văn phòng, nhà ở.

6. Các rủi ro:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vang Thăng Long là sản xuất các loại rượu Vang - các sản phẩm được lên men từ các loại trái cây nhiệt đới sẵn có của Việt Nam như: Dâu, sơn tra, nho...

Vì vậy, điều kiện về thời tiết là một trong những yếu tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng và giá thành của sản phẩm.

Ngoài ra, các rủi ro về giá cả, tín dụng và thị trường cũng có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2019 (Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020):**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Một số chỉ tiêu chủ yếu: (Số liệu đã được kiểm toán và chưa được quyết toán thuế)

TT	Chỉ tiêu	KH năm tài chính 2019	TH năm tài chính 2019	Tỷ lệ đạt
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	90	79,56	88,4%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	4	-12,95	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	3,2	-12,95	
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	Tối thiểu 6-8%	Không	

2. Tổ chức và nhân sự:**2.1. Danh sách Ban điều hành:**

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Đình Tiến Thành	Giám đốc	0	0	
2	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	14.540	0,29%	

* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2020:

2.1.1.

Họ và tên: **Đình Tiến Thành** Giới tính: Nam
 Họ và tên thường gọi: Đình Tiến Thành
 Sinh ngày: 24 tháng 07 năm 1971
 Nơi thường trú: Số 1B Lê Hồng Phong, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP Hà Nội
 Dân tộc: Kinh
 Tôn giáo: Không
 Trình độ văn hóa: 12/12

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế
 Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long
 Chức vụ: Giám đốc

Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- T2/1993 - T7/1993: Trưởng bộ phận bán hàng Công ty DVTM Phương Mai (Tập đoàn Wat, Thái Lan)
- T8/1993 - T1/1994: Giám sát kinh doanh Công ty DVTM Vạn Đạt (Công ty Đài Loan)
- T2/1994 - T9/1998: Giám sát kinh doanh khu vực Công ty LD Nhà máy Bia VN
- T5/2006 - T9/2007: Giám đốc phát triển kinh doanh kiêm Giám đốc phát triển dự án Công ty TNHH Bia và NGK Quốc tế (Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Heineken Quốc tế)
- T10/2007 - T9/2009: Giám đốc phát triển kinh doanh kiêm Giám đốc kinh doanh vùng Công ty TNHH Bia và NGK Quốc tế (Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Heineken Quốc tế)
- T10/2009 - T2/2016: Giám đốc Kinh doanh và thành viên Ban điều hành Công ty TNHH Bia và NGK Quốc tế (Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Heineken Quốc tế)
- T3/2016 - T3/2018: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Intimex Việt Nam
- T4/2018 - T6/2018: Phó giám đốc Khôi bán lẻ Công ty cổ phần Tập đoàn BRG
- T7/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP
- T4/2019 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

2.1.2.

Họ và tên: **Trần Thị Hoàng Liên** Giới tính: Nữ
 Họ và tên thường gọi: Trần Thị Hoàng Liên
 Sinh ngày: 15 tháng 08 năm 1974
 Quê quán: Quảng Minh, Quảng Trạch, Quảng Bình
 Nơi thường trú: Số 27 ngách 235/15 Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Dân tộc: Kinh
 Tôn giáo: Không
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Trình độ chính trị: Trung cấp
 Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long
 Chức vụ: Kế toán trưởng

Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- T9/1992 - 1996: Học Trường Đại học kinh tế quốc dân - Chuyên ngành Kinh tế quốc tế
- T12/1996 - T4/2001: Nhân viên Phòng Hành chính Công ty Rượu - NGK Thăng Long
- T4/2001 - T5/2005: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T5/2006: Quyền trưởng Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T6/2007: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- T5/2006 - 30/1/2008: Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- 31/1/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

*** Những thay đổi trong Ban điều hành:**

- Ông Đinh Tiến Thành được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Vang Thăng Long và là người đại diện pháp luật của Công ty từ ngày 01/04/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

2.2. Số lượng CBCNV:

STT	Đơn vị	31/3/2019	31/3/2020	Ghi chú
1	Khối Vang	92	85	
2	Cửa hàng KDTH	4	4	
3	Chi nhánh Ninh Thuận	2	2	
	Tổng cộng	98	91	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**3.1. Tình hình thực hiện các dự án:**

* Dự án 181 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội:

Tiếp tục hợp tác với Công ty cổ phần siêu thị VHSC (VietNam) triển khai dự án “Tòa nhà Trung tâm thương mại, văn phòng làm việc” tại 181 Lạc Long Quân

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa điểm 181 Lạc Long Quân (số mới là 89 Lạc Long Quân), phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Công ty đã giải phóng xong mặt bằng. Ngày 27/03/2020 Công ty đã bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần Siêu thị VHSC (Vietnam) để triển khai thực hiện dự án.

3.2. Công ty con:

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con đạt được như sau:

3.2.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long:

Nội dung	TH 2018	TH 2019	So sánh TH 2019/2018
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	5,7	32,3	566,7%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	5,1	30,8	603,9%
Lợi nhuận trước thuế TNDN (triệu đồng)	-10,7	-2.993,1	
Lợi nhuận sau thuế TNDN (triệu đồng)	-10,7	-2.993,1	

3.2.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long: Không phát sinh số liệu**3.2.3. Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long:**

Nội dung	TH 2018	TH 2019	So sánh TH 2019/2018
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	45,2	9,9	21,9%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	45,2	3,9	8,6%
Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	0,21	-0,34	
Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	0,16	-0,34	

4. Tình hình tài chính:**a) Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	138.917.053.996	135.769.183.742	97,7%
Doanh thu thuần	97.615.005.839	77.947.368.032	79,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.272.124.561	-12.900.366.667	-170,6%
Lợi nhuận khác	60.710.079	-46.743.255	-177,0%
Lợi nhuận trước thuế	18.332.834.640	-12.947.109.922	-170,6%
Lợi nhuận sau thuế	13.742.283.453	-12.947.109.922	-194,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu: 20% Trả cổ tức bằng tiền: 6%	Không	

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,18	0,97	82,2%
+ Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,34	0,13	38,2%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,6	0,7	116,7%
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,47	2,56	174,1%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	0,91	0,87	95,6%
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,7	0,6	85,7%
4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,14	-0,17	-221,4%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,24	-0,33	-237,5%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,1	-0,1	-200%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,19	-0,17	-189,5%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1. Cổ phần:**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần: 5.059.992 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành và cổ phiếu quỹ:

Loại cổ phiếu	Số cổ phiếu
1. Cổ phiếu đang lưu hành	5.059.992
2. Cổ phiếu quỹ	0
Tổng cộng	5.059.992

5.2. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 01/6/2020:

- Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn	3.587.773	70,9%	4
Cổ đông nhỏ	1.472.219	29,1%	298
Tổng cộng	5.059.992	100%	302

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông tổ chức	1.972.054	39%	8
Cổ đông cá nhân	3.087.938	61%	294
Tổng cộng	5.059.992	100%	302

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước	5.014.512	99,1%	281
Cổ đông nước ngoài	45.480	0,9%	21
Tổng cộng	5.059.992	100%	302

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:****1. Kết quả sản xuất kinh doanh:**

Kết thúc niên độ tài chính 2019 (01/4/2019-31/3/2020) là một năm đầy khó khăn của Công ty.

Công ty đã xây dựng lại hệ thống phân phối, thay đổi mẫu mã sản phẩm và sản xuất thêm một số sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng để chuẩn bị sẵn sàng cho giai đoạn cao điểm tiêu thụ vang của từ tháng 11/2019 đến hết tháng 3/2020.

Tuy nhiên tại giai đoạn tiêu thụ vang lớn nhất trong năm, Chính phủ ban hành Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Nghị định này được ban hành đột ngột nên đã ảnh hưởng rất lớn đến lĩnh vực sản xuất và phân phối bia rượu trên toàn thị trường.

Tiếp đến Đại dịch Covid -19 đã làm cho các Nhà phân phối không thể bán được hàng ra nên hàng bị tồn kho nhiều dẫn đến dòng tiền bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Khó khăn “kép” làm cho sản lượng tiêu thụ của Công ty trong quý 4 sụt giảm, dòng tiền thu hồi chậm, kết quả kinh doanh giảm sút mạnh so với năm 2018, thể hiện ở bảng sau:

TT	CHỈ TIÊU	TH 2018	TH 2019	TỶ LỆ (%)
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	98,5	79,6	80,7%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	18,33	-12,95	
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	13,74	-12,95	
4	Quỹ lương tối đa (tỷ đồng)	6,6	8,17	
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6%		

2. Lợi nhuận và phân chia lợi nhuận năm tài chính 2018:

- Tổng doanh thu hoạt động SXKD hợp nhất: 79.560.043.898 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: Lỗ 12.947.109.922 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất: Lỗ 12.947.109.922 đồng

3. Kết quả thực hiện các dự án, công tác đầu tư:

Dự án	KQ thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo
Khu đất 181 Lạc Long Quân	Tiếp tục các thủ tục để hợp tác đầu tư khai thác địa điểm 181 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội với Công ty CP Siêu thị VHSC (Vietnam)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2019:

1. Tình hình chung của Công ty:

1.1. Những khó khăn và thuận lợi:

** Khó khăn:*

Năm tài chính 2019 (từ 01/04/2019 đến 31/03/2020) là một năm đầy khó khăn với nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Vang Thăng Long nói riêng với các khó khăn chủ yếu sau:

- Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh rượu, bia trong đó có Công ty Cổ phần Vang Thăng Long gặp rất nhiều khó khăn bởi chịu tác động kép của Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 và đại dịch Covid-19.

Các sản phẩm chính của Công ty là các loại đồ uống có cồn (rượu vang và rượu vodka) mang tính mùa vụ cao, hàng năm lượng tiêu thụ chủ yếu tập trung vào thời điểm giáp Tết Nguyên đán. Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ với những chế tài mạnh (nhiều quy định xử phạt mới, mức phạt tăng cao) mang tính răn đe người uống rượu, bia khi điều khiển phương tiện giao thông có hiệu lực từ 01/01/2020 là thời điểm trước Tết Nguyên đán và mùa lễ hội.

Đại dịch Covid-19 bùng phát đã gây ảnh hưởng và tác động đáng kể đến toàn bộ nền kinh tế thế giới và Việt Nam chung, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long nói riêng. Hoạt động sản xuất và tiêu thụ của Công ty cũng bị nhiều hạn chế.

- Thị trường rượu bia ngày một cạnh tranh gay gắt.

- Dòng vang ngọt truyền thống chiếm doanh thu chủ đạo, nhưng thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi nên sản lượng tiêu thụ ngày càng giảm sút.

- Độ tuổi bình quân của đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty là 46 tuổi, đây là độ tuổi bình quân được đánh giá là rất cao của lao động tại các doanh nghiệp.

** Thuận lợi:*

Công ty có HĐQT và Ban điều hành tâm huyết. Ngoài ra, Công ty có sự hỗ trợ của Tổng công ty Thương mại Hà Nội và Tập đoàn BRG nên Công ty đã hạn chế được phần nào các tác động của thị trường.

1.2. Những kết quả đạt được trong năm tài chính 2019:

Năm tài chính 2019 là một năm có rất nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực, tận tâm, tận lực với Công ty, các thành viên HĐQT Công ty thống nhất tập trung ý chí chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện, từng bước tháo gỡ những khó khăn và đã có được những kết quả khiêm tốn như sau:

1.2.1. Công tác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh:

Sau khi được bổ nhiệm, Ông Đinh Tiến Thành - Giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ ngày 01/04/2019. Ban điều hành đã có những nỗ lực, quyết tâm thực hiện các định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

- Công ty triển khai đẩy mạnh bán hàng theo quy trình bán hàng bài bản, chuyên nghiệp với mục đích xây dựng hệ thống phân phối với tiêu chí: Giảm các nhà phân phối bán buôn, tăng các nhà phân phối có địa bàn thực, có thị trường thực.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Công ty đã từng bước quản trị hệ thống phân phối của mình từ gốc đến ngọn. Đồng thời tăng quy mô thị trường một cách toàn diện trên tất cả các kênh shop, nhà hàng, bán lẻ; Xây dựng hệ thống bán hàng các cấp từ C1-C2-C3 ở khu vực miền Bắc. Đây là một bước ngoặt quyết định sự lớn mạnh của Vang Thăng Long, tuy nhiên, cũng rất cần thời gian và nguồn lực.

Đồng thời với việc xây dựng hệ thống phân phối, Công ty đã triển khai cho ra đời các sản phẩm mới và thay mới nhãn mác, vỏ thùng của các sản phẩm cũ làm cho các sản phẩm của Vang Thăng Long được cải thiện về mẫu mã và tương đối phong phú về sản phẩm.

- Về các hoạt động khác như: Công nghệ, dây chuyền sản xuất luôn được hoàn thiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và cải thiện năng suất lao động.

- Việc khai thác mạng lưới vẫn được duy trì ổn định đảm bảo nguồn thu tích cực cho Công ty.

1.2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch ĐHĐCĐ 2019 giao	Thực hiện 2019	So sánh TH/KH
1	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	90	79,56	88,4%
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	4	-12,95	.
3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng	3,2	-12,95	
4	Cổ tức	%	Tối thiểu 6-8%	Không	

Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2019 lỗ 12,95 tỷ đồng chủ yếu là do:

- Công ty chịu ảnh hưởng kép của Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 và đại dịch Covid-19. Do vậy, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu và hạn chế sử dụng tất cả các loại đồ uống có cồn nên sức mua giảm mạnh so với mọi năm làm sản lượng tiêu thụ của các sản phẩm rượu giảm một cách đáng kể.

- Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi của các khách hàng các năm trước đã phát sinh nợ quá 3 năm theo quy định của Bộ Tài chính với tổng số tiền là 2,7 tỷ đồng.

1.2.3. Tình hình triển khai thực hiện dự án 181 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội:

Do chưa đến kỳ Đại hội, để đảm bảo kịp thời tiến độ của dự án nên HĐQT Công ty đã ký phụ lục hợp đồng tiếp tục hợp tác với Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Vietnam) triển khai thực hiện dự án.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa điểm 181 Lạc Long Quân (số mới là 89 Lạc Long Quân), phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Công ty đã giải phóng xong mặt bằng. Ngày 27/03/2020 Công ty đã bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần Siêu thị VHSC (Vietnam) để triển khai thực hiện dự án.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty CP Vang Thăng Long gồm 05 thành viên.

* Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 26/06/2019:

Hội đồng quản trị gồm các Ông/Bà sau:

- | | |
|--------------------------|-----------------|
| 1. Ông Phạm Xuân Hà | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Hoàng Minh Thọ | - Ủy viên |
| 3. Ông Trần Vũ Tuấn | - Ủy viên |
| 4. Bà Phan Thị Bích Ngọc | - Ủy viên |
| 5. Bà Bùi Hoàng Việt Anh | - Ủy viên |

*Từ ngày 26/06/2019 đến ngày 31/03/2020:

Ngày 26/06/2019, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, đại hội đồng cổ đông đã thông qua đơn từ nhiệm của Ông Hoàng Minh Thọ và Ông Trần Vũ Tuấn. Đại hội đã bầu cử bổ sung Ông Vũ Thanh Sơn và Ông Nguyễn Thái Dũng vào HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.

Hội đồng quản trị gồm các Ông/Bà sau:

- | | |
|--------------------------|-----------------|
| 1. Ông Phạm Xuân Hà | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Vũ Thanh Sơn | - Ủy viên |
| 3. Ông Nguyễn Thái Dũng | - Ủy viên |
| 4. Bà Phan Thị Bích Ngọc | - Ủy viên |
| 5. Bà Bùi Hoàng Việt Anh | - Ủy viên |

1.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2019:

HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long luôn coi trọng công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật.

Trong năm 2019, HĐQT Công ty đã tiến hành triệu tập họp 13 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng.

Tại các phiên họp, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Các phiên họp HĐQT mở rộng đều có sự tham dự của Ban điều hành Công ty. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên.

Qua các cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng, HĐQT Công ty đã ban hành 04 Nghị quyết và 07 Quyết định chỉ đạo đối với các hoạt động của Công ty một cách kịp thời, cùng Ban điều hành thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, tháo gỡ các khó khăn trong từng giai đoạn.

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty CP Vang Thăng Long có 3 thành viên.

* Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 26/06/2019:

Ban kiểm soát gồm các Ông/Bà sau:

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Bà Trần Thu Hà | - Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan | - Ủy viên |
| 3. Ông Phạm Xuân Thái | - Ủy viên |

*Từ ngày 26/06/2019 đến ngày 31/03/2020:

Ngày 26/06/2019, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, đại hội đồng cổ đông đã thông qua đơn từ nhiệm của Bà Trần Thu Hà. Đại hội đã bầu cử bổ sung Bà Trần Huệ Linh vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023. Ban kiểm soát gồm các Ông/Bà sau:

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Bà Trần Huệ Linh | - Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan | - Ủy viên |
| 3. Ông Phạm Xuân Thái | - Ủy viên |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm tài chính 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Trưởng Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT mở rộng.

Ban kiểm soát Công ty luôn theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban kiểm soát đã tổ chức các buổi làm việc tại Công ty để kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn và kiểm tra số liệu của báo cáo tài chính năm. Chuẩn bị đầy đủ số liệu để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát:

3.1. Các khoản thù lao và lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát:

Phụ cấp của HĐQT, Ban kiểm soát được chi trả trong năm tài chính 2019 (từ 01/4/2019 đến 31/3/2020) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Ủy viên HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng
- Ủy viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/3/2020 của Công ty cổ phần Vang Thăng Long:

*** Đơn vị thực hiện kiểm toán:** Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Liền kề 07 TT2/96B Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội

*** Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán số: 206/2020/BCKT/AASCN.PB ngày 03/06/2020 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2019 của Công ty CP Vang Thăng Long được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.523.853.742	94.567.430.868
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.800.690.143	4.418.018.988
1.	Tiền	111		2.800.690.143	4.418.018.988
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.791.018.262	22.429.263.103
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	11.464.113.730	20.023.492.030
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		327.624.000	326.882.236
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.029.275.782	2.427.523.476
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(3.029.995.250)	(348.634.639)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	80.871.527.486	67.630.077.824
1.	Hàng tồn kho	141		80.871.527.486	67.630.077.824
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		60.617.851	90.070.953
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.341.600	59.194.883
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.400.181	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	30.876.070	30.876.070
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.245.330.000	44.349.623.128
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		115.000.000	115.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	115.000.000	115.000.000
II.	Tài sản cố định	220		17.823.787.604	19.255.729.690
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	16.312.060.143	17.566.627.233
	- Nguyên giá	222		57.659.429.283	57.024.161.707
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(41.347.369.140)	(39.457.534.474)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	1.508.944.445	1.681.944.445
	- Nguyên giá	225		1.730.000.000	1.730.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(221.055.555)	(48.055.555)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.783.016	7.158.012
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(92.216.984)	(87.841.988)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	3.348.270.618	2.666.913.531
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.348.270.618	2.666.913.531
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	319.300.000	842.917.686
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	422.917.686
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(880.700.000)	(780.000.000)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		20.638.971.778	21.469.062.221
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	20.347.330.235	21.469.062.221
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			-	-
4.	Tài sản dài hạn khác			-	-
5.	Lợi thế thương mại			291.641.543	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		135.769.183.742	138.917.053.996

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		97.637.642.639	82.739.971.957
I.	Nợ ngắn hạn	310		96.079.496.837	80.391.935.076
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	6.779.843.463	3.830.738.551
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		198.983.888	332.054.193
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.057.087.483	13.219.270.717
4.	Phải trả người lao động	314		520.346.467	496.684.540
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	195.286.991	70.541.266
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	84.966.667	1.808.239.395
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	178.933.458	420.806.726
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	79.734.036.670	60.213.599.688
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		330.011.750	-
II.	Nợ dài hạn	330		1.558.145.802	2.348.036.881
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	72.025.000	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	1.486.120.802	2.348.036.881
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.131.541.103	56.177.082.039
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	38.131.541.103	56.177.082.039
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.599.920.000	50.599.920.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.599.920.000	50.599.920.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.475.755.461
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.474.388.335)	4.101.406.578
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		478.131.794	459.043.125
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(12.952.520.129)	3.642.363.453
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.009.438	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		135.769.183.742	138.917.053.996

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày.01 tháng 4 năm 2019 đến 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	79.560.043.898	98.548.485.444
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.612.675.866	933.479.605
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		77.947.368.032	97.615.005.839
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	70.731.540.455	61.489.097.371
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.215.827.577	36.125.908.468
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	20.132.062	356.629.960
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	8.414.511.986	8.132.669.318
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.273.257.827	7.347.257.057
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(395.952.305)	25.253.973
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	4.802.297.978	3.804.405.532
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	6.523.564.037	6.298.592.990
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.900.366.667)	18.272.124.561
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	247.867.704	344.010.722
13.	Chi phí khác	32	VI.07	294.610.959	283.300.643
14.	Lợi nhuận khác	40		(46.743.255)	60.710.079
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.947.109.922)	18.332.834.640
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	4.590.551.187
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(12.947.109.922)	13.742.283.453
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(12.952.520.129)	13.742.283.453
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.410.207	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(2.560)	2.599
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(2.560)	2.599

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(12.947.109.922)	18.332.834.640
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.500.542.995	2.264.560.568
-	Các khoản dự phòng	03		2.782.060.611	1.128.634.639
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(257.859.174)	(725.520.297)
-	Chi phí lãi vay	06		8.273.257.827	7.347.257.057
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		350.892.337	28.347.766.607
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.593.300.612	1.681.331.357
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.133.963.114)	(882.670.959)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(4.696.015.794)	(6.506.867.976)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		596.302.183	(191.546.782)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(8.258.512.102)	(7.341.472.647)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(52.062.300)	(5.164.799.311)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(40.211.000)	(406.570.753)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(15.640.269.178)	9.535.169.536
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.857.444.544)	(1.696.892.912)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		237.727.273	343.636.364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.200.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.131.901	356.629.960
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1.599.585.370)	4.203.373.412

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		115.704.789.248	73.809.063.832
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(96.804.068.337)	(84.023.988.578)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(242.200.008)	(579.550.002)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.035.995.200)	(2.843.873.475)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.622.525.703	(13.638.348.223)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.617.328.845)	100.194.725
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.418.018.988	4.317.824.263
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.800.690.143	4.418.018.988

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến 31 tháng 3 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Cửa hàng Kinh doanh tổng hợp	Số 89, Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long – Chi nhánh Ninh Thuận	Số 62a Lê Duẩn, thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	
			<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	99%	99%	45%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm

- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức được chia cho các cổ đông.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất***Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:*****Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	2.800.690.143	4.418.018.988
+ Tiền mặt	778.890.077	463.923.486
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.021.800.066	3.954.095.502
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>2.800.690.143</u>	<u>4.418.018.988</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long Công	-	-	-	422.917.686
				422.917.686

+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long Công

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro (a)	3,03	(680.700.000)	319.300.000	(580.000.000)
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long Công	4,76	(200.000.000)	(*)	(200.000.000)
		(880.700.000)		(780.000.000)

(a): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Hapro được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM là 3.193 đồng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 100.000 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2020.

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư:

Tên Công ty	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị phần vốn góp theo mệnh giá	Hoạt động chính trong năm
Đầu tư vào đơn vị khác			
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	32.978.600.000	1.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh rượu
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4.201.680.672	200.000.000	Không phát sinh hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	11.464.113.730	20.023.492.030
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	2.060.064.496	2.302.684.496
- Công ty Cổ phần TM và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	13.179.767.802
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	9.404.049.234	4.541.039.732
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	11.464.113.730	20.023.492.030
Trong đó:		
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	13.179.767.802
Cộng	-	13.179.767.802

04. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	1.029.275.782	-	2.427.523.476	-
- Tạm ứng	928.232.715	-	683.893.942	-
- Phải thu ngắn hạn khác	101.043.067	-	1.743.629.534	-
b. Dài hạn	115.000.000	-	115.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	115.000.000	-	115.000.000	-
Cộng	1.144.275.782	-	2.542.523.476	-

05. Nợ xấu

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số trích lập/ hoàn nhập trong năm</u>	<u>Số xóa nợ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	207.241.605	1.852.822.891	-	2.060.064.496
- Hộ kinh doanh Trịnh Xuân Hưng	141.393.034	329.917.078	-	471.310.112
- Doanh nghiệp tư nhân Cường Xoa	-	195.205.086	-	195.205.086
- Hộ kinh doanh cá thể Phạm Minh Nguyệt	-	126.488.945	-	126.488.945
- Các đối tượng khác	-	176.926.611	-	176.926.611
Cộng	348.634.639	2.681.360.611	-	3.029.995.250

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	7.395.978.840	-	6.389.845.700	-
- Công cụ, dụng cụ	303.930.518	-	258.758.369	-
- Chi phí SXKD dở dang	51.209.504.299	-	45.443.937.291	-
- Thành phẩm	12.913.340.609	-	10.067.420.047	-
- Hàng hoá	4.379.613.393	-	1.513.930.196	-
- Hàng gửi đi bán	4.669.159.827	-	3.956.186.221	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	80.871.527.486	-	67.630.077.824	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	3.348.270.618	2.666.913.531
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	3.336.923.618	2.548.079.983
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	11.347.000	11.347.000
+ Dự án Nhà máy SX Vang ở Lệ Chi	-	107.486.548
Cộng	3.348.270.618	2.666.913.531

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	13.735.914.367	37.809.841.608	3.182.444.262	349.239.818	1.946.721.652	57.024.161.707
- Mua trong năm	-	61.550.000	1.007.050.909	-	-	1.068.600.909
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(433.333.333)	-	-	(433.333.333)
Số dư cuối năm	13.735.914.367	37.871.391.608	3.756.161.838	349.239.818	1.946.721.652	57.659.429.283
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.738.446.345	24.737.770.264	1.989.591.646	347.730.443	1.643.995.776	39.457.534.474
- Khấu hao trong năm	329.905.642	1.573.289.350	265.682.236	1.509.375	152.781.396	2.323.167.999
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(433.333.333)	-	-	(433.333.333)
Số dư cuối năm	11.068.351.987	26.311.059.614	1.821.940.549	349.239.818	1.796.777.172	41.347.369.140
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	2.997.468.022	13.072.071.344	1.192.852.616	1.509.375	302.725.876	17.566.627.233
2. Tại ngày cuối năm	2.667.562.380	11.560.331.994	1.934.221.289	-	149.944.480	16.312.060.143

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 26.000.409.323 đồng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 24.839.901.973 đồng và 8.831.926.696 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	1.730.000.000	1.730.000.000
- Thuê tài chính trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	1.730.000.000	1.730.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	48.055.555	48.055.555
- Khấu hao trong năm	173.000.000	173.000.000
<i>Số dư cuối năm</i>	221.055.555	221.055.555
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	1.681.944.445	1.681.944.445
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	1.508.944.445	1.508.944.445

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	60.000.000	35.000.000	95.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	60.000.000	35.000.000	95.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	60.000.000	27.841.988	87.841.988
- Khấu hao trong năm	-	4.374.996	4.374.996
<i>Số dư cuối năm</i>	60.000.000	32.216.984	92.216.984
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	7.158.012	7.158.012
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	2.783.016	2.783.016

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 60.000.000 đồng.

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	1.341.600	59.194.883
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	5.723.864
- Phí bảo hiểm	1.341.600	23.174.619
- Các khoản khác	-	30.296.400
b. Dài hạn	20.347.330.235	21.469.062.221
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	534.781.684	494.343.044
- Tiền thuê đất tại Cụm CNTP thực phẩm Hapro	18.591.992.504	19.101.399.680
- Chi phí sửa chữa	257.648.710	575.053.865
- Các khoản khác	962.907.337	1.298.265.632
Cộng	20.348.671.835	21.528.257.104

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12. Vay và nợ thuế tài chính						
a. Vay ngắn hạn	60.213.599.688	60.213.599.688	116.566.705.327	97.046.268.345	79.734.036.670	79.734.036.670
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>32.627.092.217</i>	<i>32.627.092.217</i>	<i>73.174.926.266</i>	<i>50.918.921.016</i>	<i>54.883.097.467</i>	<i>54.883.097.467</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ	9.009.859.816	9.009.859.816	1.335.313.941	10.345.173.757	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(a)	7.071.815.032	7.071.815.032	8.176.318.973	7.071.815.032	8.176.318.973	8.176.318.973
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(b)	10.755.332.819	10.755.332.819	19.979.148.930	10.755.332.819	19.979.148.930	19.979.148.930
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	5.790.084.550	5.790.084.550	43.684.144.422	22.746.599.408	26.727.629.564	26.727.629.564
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>26.102.471.399</i>	<i>26.102.471.399</i>	<i>41.765.062.982</i>	<i>44.528.591.254</i>	<i>23.338.943.127</i>	<i>23.338.943.127</i>
+ Các cá nhân ^(d)	26.102.471.399	26.102.471.399	41.765.062.982	44.528.591.254	23.338.943.127	23.338.943.127
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.484.036.072</i>	<i>1.484.036.072</i>	<i>1.626.716.079</i>	<i>1.598.756.075</i>	<i>1.511.996.076</i>	<i>1.511.996.076</i>
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	609.836.064	609.836.064	609.836.064	609.836.064	609.836.064	609.836.064
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	392.000.000	392.000.000	294.000.000	392.000.000	294.000.000	294.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(g)	240.000.000	240.000.000	213.000.000	240.000.000	213.000.000	213.000.000
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam ^(h)	242.200.008	242.200.008	242.200.008	242.200.008	242.200.008	242.200.008
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội ⁽ⁱ⁾	-	-	267.680.007	114.720.003	152.960.004	152.960.004
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	2.348.036.881	2.348.036.881	764.800.000	1.626.716.079	1.486.120.802	1.486.120.802
b.1 vay dài hạn	1.439.786.891	1.439.786.891	764.800.000	1.384.516.071	820.070.820	820.070.820
Từ 1 năm đến 5 năm	1.439.786.891	1.439.786.891	764.800.000	1.384.516.071	820.070.820	820.070.820
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>1.439.786.891</i>	<i>1.439.786.891</i>	<i>764.800.000</i>	<i>1.384.516.071</i>	<i>820.070.820</i>	<i>820.070.820</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong(e)	932.786.891	932.786.891	-	609.836.064	322.950.827	322.950.827	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn(f)	294.000.000	294.000.000	-	294.000.000	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng(g)	213.000.000	213.000.000	-	213.000.000	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội(i)	-	-	764.800.000	267.680.007	497.119.993	497.119.993	
b.2 Nợ thuê tài chính	908.249.990	908.249.990	-	242.200.008	666.049.982	666.049.982	
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam(h)	908.249.990	908.249.990	-	242.200.008	666.049.982	666.049.982	
Cộng	62.561.636.569	62.561.636.569	117.331.505.327	98.672.984.424	81.220.157.472	81.220.157.472	

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/259662/HĐTĐ ngày 01/7/2019, với hạn mức là 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 xe ô tô, 03 xe nâng hàng, 100 téc inox, hợp đồng tiền gửi, 75 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong năm là 10,9%/năm.
- (b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 303/2019/HĐTD/TLG/01 ngày 26/7/2019, hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh rượu vang các loại, thời hạn vay không quá 11 tháng với các khoản vay để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu và không quá 05 tháng đối với các khoản vay để bổ sung nguồn vốn lưu động. Lãi suất vay trong năm từ 9,6%/năm - 9,9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển và quyền thuê lại khu đất tại kho 323 Vĩnh Tuy của Công ty.
- (c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2001400034/HĐTĐHM ngày 14/01/2020, hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 11 tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sản xuất rượu vang, thương mại rượu nhập khẩu. Lãi suất vay trong năm từ 8,3%/năm - 9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Công ty.
- (d): Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 10%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (e): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng cho vay 36_0/HĐTĐ/TLG/01 ngày 11 tháng 10 năm 2016 và hợp đồng cho vay 36_08.16/HĐTĐ/TLG ngày 31 tháng 8 năm 2016 để thanh toán tiền mua Tank, máy móc, hệ thống đường ống Glycol và ô tô. Thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm từ 9,4%/năm - 10,1%/năm.
- (f): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm là 10,9%/năm.
- (g): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/259662/HĐTĐTH ngày 06/02/2018 để thanh toán tiền lần 2, lần 3 tiền mua máy đóng nút co tự động 4 đầu của hãng Robino & Galandrino - Italia, với gốc vay là 693.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 10,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/259662/HĐBĐ ngày 06/02/2018.
- (h): Khoản nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng thuê tài chính số 126.18.06/CTTCC ngày 06 tháng 11 năm 2018 để thuê máy dán nhãn rượu vang tự động, dán dạng vòng và bộ tùy chọn dán nhãn định vị theo logo. Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất trong năm là 11,5%/năm.
- (i): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng từng lần số 1917800019/HĐTĐTL ngày 28/06/2019 để thanh toán tiền mua xe ô tô Honda CR-V phiên bản E, mới 100% theo hợp đồng bán hàng số N0011905170612 ngày 17/05/2019, với gốc vay là: 764.800.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất là 8,49%/năm áp dụng cho 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1917800019/HĐTC ngày 28/06/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG
Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
13. Phải trả người bán						
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>						
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguél Yamamura Hải Phòng	6.779.843.463	6.779.843.463	3.830.738.551	3.830.738.551		
- Chi nhánh KDTH – Công ty CP XNK LTTP Hà Nội	4.180.262.625	4.180.262.625	3.427.543.350	3.427.543.350		
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.580.100.000	1.580.100.000	-	-		
	1.019.480.838	1.019.480.838	403.195.201	403.195.201		
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>	-	-	-	-		
Cộng	6.779.843.463	6.779.843.463	3.830.738.551	3.830.738.551		
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số đã thực nộp trong năm	Tăng/ giảm do hợp nhất	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	3.274.953.384	3.408.126.575	122.743.222	-	1.487.261.612
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	332.236.733		-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	9.881.231.210	12.031.410.717		-	6.451.527.600
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	799.671.724		-	-
- Thuế thu nhập DN	30.876.070	-	52.062.300	52.062.300	30.876.070	-
- Thuế TNCN	-	63.086.123	232.843.489		-	118.298.271
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.422.668.599		-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	11.000.000	(2.000.000)	-	-
Cộng	30.876.070	13.219.270.717	19.290.020.137	172.805.522	30.876.070	8.057.087.483

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Chi phí phải trả ngắn hạn	195.286.991	70.541.266
- Chi phí lãi vay	85.286.991	70.541.266
- Các khoản trích trước khác	110.000.000	-
b. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	195.286.991	70.541.266

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	178.933.458	420.806.726
- Kinh phí công đoàn	45.663.122	21.107.917
- Bảo hiểm xã hội	-	115.653.893
- Bảo hiểm y tế	6.127.178	45.456.855
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	13.301.176
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	66.309.479	57.034.439
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	60.833.679	168.252.446
b. Dài hạn	72.025.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	72.025.000	-
Cộng	250.958.458	420.806.726

17. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	84.966.667	1.808.239.395
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	84.966.667	1.808.239.395
b. Dài hạn	-	-
Cộng	84.966.667	1.808.239.395

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi tích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.500.000.000	1.475.755.461	3.699.043.125	-	45.674.798.586
Tăng vốn trong năm trước	10.099.920.000	-	-	-	10.099.920.000
Lãi trong năm trước	-	-	13.742.283.453	-	13.742.283.453
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	(13.339.920.000)	-	(13.339.920.000)
Số dư cuối năm trước	50.599.920.000	1.475.755.461	4.101.406.578	-	56.177.082.039
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	(12.952.520.129)	5.410.207	(12.947.109.922)
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	599.231	599.231
Tăng do hợp nhất	-	-	(5.099.030.245)	-	(5.099.030.245)
Phân phối lợi nhuận(*)	-	-	1.475.755.461	-	-
Giảm khác(*)	-	(1.475.755.461)	-	-	-
Số dư cuối năm nay	50.599.920.000	-	(12.474.388.335)	6.009.438	38.131.541.103

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/CPVTL-ĐHCD ngày 26 tháng 6 năm 2019, các cổ đông thông qua về các vấn đề sau:

- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế để bổ sung chia cổ tức và trích lập các quỹ số tiền 1.475.755.461 đồng.
- Phân phối lợi nhuận:

Năm nay

Chia cổ tức	3.035.995.200
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.063.035.045
Tổng phân phối lợi nhuận	5.099.030.245

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	19.439.710.000	38	19.439.710.000	38
Vốn góp của các cổ đông khác	31.160.210.000	62	31.160.210.000	62
Cộng	50.599.920.000	100	50.599.920.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.599.920.000	40.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	10.099.920.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.599.920.000	50.599.920.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.035.995.200	10.934.920.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.059.992	5.059.992
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.059.992	5.059.992
+ Cổ phiếu phổ thông	5.059.992	5.059.992
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.059.992	5.059.992
+ Cổ phiếu phổ thông	5.059.992	5.059.992
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	1.475.755.461
Cộng	-	1.475.755.461

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nợ khó đòi đã xử lý		
+ Công ty TNHH Hoàng Anh I	16.500.000	16.500.000
+ Văn phòng Tư vấn chuyển giao CNXD	44.380.000	44.380.000
+ Công ty TNHH SX TM dịch vụ Long Phan	24.750.000	24.750.000
+ Công ty CP Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam	35.000.000	35.000.000
+ Công ty Cổ phần Sáng tạo	4.000.000	4.000.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển thương hiệu Hoa Lan	20.900.000	20.900.000
+ Khúc văn Đồng - Cửa hàng 26 Nguyễn Công Trứ	184.228.733	184.228.733
+ XNSX hàng nhựa	2.288.962.808	2.288.962.808
+ Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Thăng Long	85.000.000	85.000.000
+ DNTN Thành Công (Lạng Sơn)	13.377.901	13.377.901
+ DNTN Hoàng Anh (Uông Bí, Quảng Ninh)	35.875.176	35.875.176
+ Hộ kinh doanh Minh Đức	98.455.456	98.455.456
+ Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Việt Thành	6.768.400	6.768.400
Cộng	<u>2.858.198.474</u>	<u>2.858.198.474</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	41.784.096.606	32.536.077.937
- Doanh thu bán thành phẩm	32.967.586.679	33.998.140.042
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	858.147.264	1.289.516.295
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.950.213.349	30.724.751.170
Cộng	<u>79.560.043.898</u>	<u>98.548.485.444</u>

Trong đó

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	652.582.319	43.631.396.503

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	807.192.254	773.721.086
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	805.483.612	159.758.519
Cộng	<u>1.612.675.866</u>	<u>933.479.605</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	41.753.725.297	29.487.109.685
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	28.127.920.663	29.306.893.087
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	526.845.141
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	849.894.495	2.168.249.458
Cộng	70.731.540.455	61.489.097.371

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.132.062	356.629.960
Cộng	20.132.062	356.629.960

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	8.273.257.827	7.347.257.057
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	255.049	720.021
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.299.110	4.692.240
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	100.700.000	780.000.000
Cộng	8.414.511.986	8.132.669.318

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	237.727.273	343.636.364
- Các khoản khác	10.140.431	374.358
Cộng	247.867.704	344.010.722

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt hành chính	293.098.299	282.015.512
- Các khoản khác	1.512.660	1.285.131
Cộng	294.610.959	283.300.643

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.523.564.037	6.298.592.990
- Chi phí nhân viên quản lý	2.101.746.189	1.897.320.463
- Chi phí đồ dùng văn phòng	195.765.323	270.635.602
- Chi phí khấu hao TSCĐ	99.608.091	42.920.484
- Thuế, phí và lệ phí	15.360.000	308.454.979
- Chi phí dự phòng	2.681.360.611	2.906.826.180
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	728.599.946	332.071.550
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	701.123.877	540.363.732
b. Chi phí bán hàng	4.802.297.978	3.804.405.532
- Chi phí nhân viên	1.856.367.746	936.619.689

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí vật liệu, bao bì	-	19.418.326
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	24.414.463	26.105.910
- Chi phí khấu hao TSCĐ	141.844.426	123.816.792
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.121.961.205	220.256.321
- Chi phí khác	1.657.710.138	2.478.188.494
Cộng	<u>11.325.862.015</u>	<u>10.102.998.522</u>
09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	4.590.551.187
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>-</u>	<u>4.590.551.187</u>
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(12.952.520.129)	13.742.283.453
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.952.520.129)	13.742.283.453
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.063.035.045
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.059.992	4.494.107
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(2.560)</u>	<u>2.599</u>
11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(12.952.520.129)	13.742.283.453
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.952.520.129)	13.742.283.453
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.063.035.045
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.059.992	4.494.107
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(2.560)</u>	<u>2.599</u>
12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.526.516.314	19.229.336.326
- Chi phí nhân công	9.958.030.378	7.707.661.404
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.500.542.995	2.264.560.568
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.819.327.991	3.704.461.389
- Chi phí khác	8.429.386.454	9.754.206.171
- Chi phí dự phòng	2.681.360.611	2.906.826.180
Cộng	<u>48.915.164.743</u>	<u>45.567.052.038</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Ban kiểm soát</i>		
Cho vay	19.015.253	636.643.688
Trả tiền vay	-	2.083.000.000
<i>Người thân với các thành viên chủ chốt</i>		
Cho vay	702.972.391	8.844.880.255
Trả tiền vay	963.287.455	8.369.367.520

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ban kiểm soát</i>		
Vay ngắn hạn	207.330.864	3.434.162.937
<i>Người thân với các thành viên chủ chốt</i>		
Vay ngắn hạn	1.238.710.380	6.248.199.792
Cộng nợ phải thu	<u><u>1.446.041.244</u></u>	<u><u>9.682.362.729</u></u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	707.684.785	204.763.358
Cộng	<u><u>707.684.785</u></u>	<u><u>204.763.358</u></u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Công ty liên kết đến ngày 8 tháng 7 năm 2019

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	652.582.319	43.631.396.503
- Công ty CP TM và DV Vang Thăng Long	652.582.319	43.631.396.503

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	-	13.179.767.802
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	13.179.767.802
Cộng nợ phải thu	-	13.179.767.802

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ nhân công;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, chuyển nhượng dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Sản xuất rượu	Lĩnh vực Thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	23.602.387.147	49.536.620.272	858.147.264	3.950.213.349	77.947.368.032
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	39.660.672.523	49.691.154.440	310.683.349	1.185.224.387	90.847.734.699
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(16.058.285.376)	(154.534.168)	547.463.915	2.764.988.962	(12.900.366.667)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.783.164.017	28.298.395	19.821.805	129.804.327	1.961.088.544
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.577.260.354	58.799.896	41.186.792	269.714.274	3.946.961.316
Số dư cuối năm nay					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	120.462.198.310	12.108.720.442	10.369.504	67.905.343	132.649.193.599
- Tài sản không phân bổ	120.462.198.310	12.108.720.442	10.369.504	67.905.343	135.769.183.742
Tổng tài sản	86.481.631.835	9.431.285.481	248.934.567	1.145.779.006	97.307.630.889
- Nợ phải trả bộ phận					330.011.750
- Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả	86.481.631.835	9.431.285.481	248.934.567	1.145.779.006	97.637.642.639

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG
Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực Sản xuất rượu	Lĩnh vực Thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	33.064.660.437	32.536.077.937	1.289.516.295	30.724.751.170	97.615.005.839
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	30.861.655.088	33.655.434.925	842.397.441	13.983.393.824	79.342.881.278
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	2.203.005.349	(1.119.356.988)	447.118.854	16.741.357.346	18.272.124.561
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.612.160.438	743.040.575	37.332.640	-	4.392.533.653
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.257.931.394	632.177.886	31.762.558	539.516.590	3.461.388.428
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	45.272.692.416	44.548.948.316	1.765.627.526	42.068.849.064	133.656.117.322
- Tài sản không phân bổ	75.337.911.562	28.243.142.575	-	11.476.662.926	138.917.053.996
Tổng tài sản	120.610.603.982	72.792.090.891	1.765.627.526	53.545.512.022	268.724.834.427
- Nợ phải trả bộ phận	28.026.111.906	27.578.077.294	1.093.013.735	26.042.769.022	82.739.971.957
- Nợ phải trả không phân bổ	60.419.519.405	25.488.342.350	-	4.350.486.480	82.739.971.957
Tổng nợ phải trả	88.445.631.311	53.066.419.644	1.093.013.735	30.393.255.502	163.498.320.692

Đơn vị tính: VND

Khu vực địa lý kinh doanh: Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG
Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.800.690.143	-	4.418.018.988	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.565.156.797	(3.029.995.250)	20.037.146.269	(348.634.639)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.200.000.000	(880.700.000)	1.200.000.000	(780.000.000)
Đầu tư tài chính dài hạn (a)	15.565.846.940	(3.910.695.250)	25.655.165.257	(1.128.634.639)
Cộng				
			319.300.000	420.000.000

(*)
(*)
(*)

Giá trị sổ sách

Số cuối năm	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Số cuối năm	Số đầu năm
6.779.843.463	3.830.738.551	(*)	(*)	(*)
81.220.157.472	62.561.636.569	(*)	(*)	(*)
195.286.991	70.541.266	(*)	(*)	(*)
199.168.158	225.286.885	(*)	(*)	(*)
88.394.456.084	66.688.203.271	(*)	(*)	(*)

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán
Vay và nợ
Chi phí phải trả
Các khoản phải trả khác

(a) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư dài hạn là giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Hapro được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM là 3.193 đồng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 100.000 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2020. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Thăng Long do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**05. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.08 và V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Số cuối năm	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Đơn vị tính: VND
			Điều kiện thế chấp
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	11.439.545.477	916.677.351	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	352.196.001	
Tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.007.670.228	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	5.250.940.931	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	394.952.000	304.442.185	
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Hà Nội			
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.007.050.909	941.007.864	
Tổng cộng	25.846.952.882	9.772.934.560	
Số đầu năm	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều kiện thế chấp
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	11.439.545.477	988.995.267	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	439.778.485	
Tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.178.781.344	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	5.965.212.951	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	351.744.520	
Tổng cộng	25.273.235.306	9.924.512.567	

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	6.779.843.463	-	-	6.779.843.463
Vay và nợ	79.734.036.670	1.486.120.802	-	81.220.157.472
Chi phí phải trả	195.286.991	-	-	195.286.991
Các khoản phải trả khác	127.143.158	72.025.000	-	199.168.158
Cộng	86.836.310.282	1.558.145.802	-	88.394.456.084
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	3.830.738.551	-	-	3.830.738.551
Vay và nợ	60.213.599.688	2.348.036.881	-	62.561.636.569
Chi phí phải trả	70.541.266	-	-	70.541.266
Các khoản phải trả khác	225.286.885	-	-	225.286.885
Cộng	64.340.166.390	2.348.036.881	-	66.688.203.271

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do phần lớn việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại theo quy định của chế độ kế toán (do phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018), cụ thể:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.058	(459)	2.599
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.058	(459)	2.599

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

* Toàn bộ Báo cáo tài chính năm tài chính 2019 của Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã kiểm toán được đăng đầy đủ trên website: <http://www.vangthanglong.com.vn>.

* Cơ cấu cổ đông trình bày trong báo cáo là danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 01/06/2020 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty không có danh sách cổ đông tại thời điểm 31/3/2020.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị**Phạm Xuân Hà**